

Bản án số: 90/2021/DS-PT

Ngày: 16/8/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán:

+ Ông Lâm Thuận Tùng

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 88/2021/TLPT-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2021/QĐ-PT, ngày 27 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2021/QĐ-PT, ngày 23/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2021/QĐ-PT, ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trương Quốc H, sinh năm 1983;

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989;

Cùng cư trú: lô 46, tổ 10, khóm ĐA, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Trương Quốc H và Nguyễn Thị Thanh T là ông Lương Tổng T2, sinh năm 1964; đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/11/2020).

Cư trú: số 3/73, ấp TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 118/6B, đường Rạch TB, khóm 7, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1957;

2.2. Bà Nguyễn Bạch T3, sinh năm 1970;

Cùng cư trú: số 33/26, tổ 24, khóm TT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: có mặt các ông, bà: Lương Tổng T2, Trần Quốc V, Nguyễn Bạch T3; vắng mặt các ông, bà: Trương Quốc H, Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ông H, bà T cho ông V, bà T2 vay tiền, tổng cộng 04 lần:

- Ngày 06/12/2017, cho vay số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC, thực tế không có việc chuyển nhượng mà mục đích là để phía ông V, bà T2 thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) cho ông H, bà T đảm bảo cho khoản vay. Từ ngày 06/12/2017 đến 06/6/2019, ông H, bà T đã nhận tiền lãi 44.100.000 đồng

- Ngày 17/9/2018, cho vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Từ ngày 17/9/2018 – 17/6/2019, ông H, bà T đã nhận lãi 9.450.000 đồng.

- Ngày 12/01/2019, cho vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 23/01/2019, đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng, hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2017 và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC, thực tế không có việc chuyển nhượng mà mục đích là để phía ông V, bà T2 thế chấp bản chính GCNQSDĐ cho ông H, bà T đảm bảo cho khoản vay tổng cộng 200.000.000 đồng. Từ ngày 12/01/2019 đến ngày 23/6/2019, ông, bà đã nhận lãi 22.500.000 đồng

Tại đơn khởi kiện, ông H, bà T yêu cầu:

+ Ông V và bà T2 có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng)

+ Phải trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật tính từ ngày 12/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử.

+ Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC giữa ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 là vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ông H, bà T đồng ý sau khi ông V và bà T2 trả đủ tiền vốn và lãi sẽ trả lại bản chính GCNQSDĐĐ mà vợ chồng ông H và bà T đang giữ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, yêu cầu ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) đồng thời phải trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật tính từ ngày 12/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử là 31.871.500 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 231.871.500 đồng.

* Bị đơn ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 trình bày:

Ông, bà có vay tiền của ông H, bà T và nhận tiền nhiều lần:

+ Lần đầu, vay 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2017, mục đích là thế chấp quyền sử dụng đất của ông, bà để đảm bảo cho khoản vay. Đóng lãi từ 06/12/2017 đến 06/6/2019 là 18 tháng x 2.450.000 đồng = 44.100.000 đồng

+ Ngày 17/9/2018, vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng. Đóng lãi từ 17/9/2018 đến 17/6/2019 là 09 tháng x 1.050.000 đồng x = 9.450.000 đồng.

+ Ngày 12/01/2019, vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng. Đóng lãi từ 12/01/2019 đến 12/6/2019 là 5 tháng x 2.250.000 đồng = 11.250.000 đồng.

+ Ngày 23/01/2019, ông, bà tiếp tục nhận thêm 50.000.000 đồng. Đóng lãi từ ngày 23/01/2019 đến 23/6/2019 là 5 tháng x 2.250.000 đồng = 11.250.000 đồng thì ngưng đóng lãi hàng tháng.

Khi đóng lãi thì ông H, bà T có ký tên vào biên nhận đóng lãi định kỳ hàng tháng. Tổng tiền lãi đã đóng đến ngày 23/6/2019 là 76.050.000 đồng.

Sau đó, ông bà có đóng lãi cho ông H, bà T 4.800.000 đồng nhưng đối với số tiền này thì không làm biên nhận, cụ thể: ngày 23/02/2020, đóng lãi 2.400.000 đồng và ngày 23/3/2020, đóng lãi 2.400.000 đồng.

Tổng số tiền đã đóng lãi là 80.850.000 đồng.

Ngày 12/01/2019, ông, bà và ông H, bà T thỏa thuận hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2017 để lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/01/2019, trong đó ghi giá chuyển nhượng là

200.000.000 đồng mục đích là để che giấu việc vay số tiền 200.000.000 đồng, tiếp tục thế chấp quyền sử dụng đất của ông, bà để đảm bảo cho khoản vay.

Ngày 01/3/2021, ông V và bà T2 có Đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu xem xét khấu trừ số tiền 4.800.000 đồng vào vốn. Ông H, bà T hành nghề kinh doanh bất hợp pháp dẫn đến giao dịch dân sự trái với pháp luật, trái với đạo đức xã hội, xem xét việc cho vay với lãi suất cao vô thời hạn vượt quá quy định pháp luật, nhận thế chấp quyền sử dụng đất dưới hình thức giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng nhằm che giấu số tiền cho vay.

Ông, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T về việc buộc ông, bà trả số tiền 200.000.000 đồng; không đồng ý tính lãi từ ngày 12/01/2019. Ông, bà yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã đóng tổng cộng là 80.850.000 đồng vào số tiền vay 200.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ tính phần tiền lãi từ ngày vay đến ngày ông, bà ngưng thanh toán cho ông H, bà T đồng thời xem xét cho ông, bà trả dần tiền gốc, lãi hằng tháng vì điều kiện, hoàn cảnh khó khăn và tuổi đã cao nên không có thu nhập ổn định.

Ông, bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 111, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2019 giữa ông H, bà T với ông, bà được lập tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC là vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu, yêu cầu ông H, bà T giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà.

** Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang đã xử:*

“Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 200, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 124, 131, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Buộc ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T tiền nợ gốc 157.061.107 đồng và tiền lãi chậm trả 56.018.461 đồng (tính đến ngày 25/3/2021). Tổng cộng là 213.079.568 đồng (Hai trăm mười ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/3/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/01/2019 giữa ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 lập tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC, số công chứng 111, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

Buộc ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01358 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp ngày 27/9/2010 cho ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 nhận lại.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Bạch T3 phải chịu 5.326.989 đồng (Năm triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 939.597 đồng (Chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005638 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang. Ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại 4.060.403 đồng (Bốn triệu, không trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./."

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 kháng cáo yêu cầu: cấp phúc xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại Đơn kiến nghị này 04/6/2021, ông V, bà T2 yêu cầu: tính lại tiền lãi ông bà đã đóng là 4.800.000đ; áp dụng lãi suất 10%/năm; tính lại án phí sơ thẩm đối với bà T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông V và bà T2 xác định yêu cầu kháng cáo: tính lại tiền lãi ông bà đã đóng là 4.800.000đ; áp dụng lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; tính lại án phí sơ thẩm đối với bà T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX), căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo ông V, bà T2; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST, ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Quốc H và bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, nhưng có ông Lương Tông T2 là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng thì xem như có mặt ông H và T tại phiên tòa.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 25 tháng 3 năm 2021, đến ngày 06 tháng 4 năm 2021, bà ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 kháng cáo là trong hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Về nội dung kháng cáo: ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3 kháng cáo yêu cầu: cấp phúc xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm nhưng sau đó đã xác định nội dung kháng cáo, cụ thể: tính lại tiền lãi ông bà đã đóng là 4.800.000đ; áp dụng lãi suất 10%/năm; ông V xin miễn án phí lý do người cao tuổi, tính lại án phí sơ thẩm đối với bà T2. HĐXX xét thấy:

[5]. Đối với số tiền lãi 4.800.000đ, ông V, bà T2 trình bày đã nộp cho ông H, bà T, tại Biên bản hòa giải tranh chấp vay mượn tiền ngày 16/6/2020 của Ban nhân dân khóm TT (Bút lục 13), có mặt ông H, bà T và ông V, bà T2. Tại nội dung Biên bản này, ông H, bà T không thừa nhận có nhận số tiền lãi 4.800.000 đồng của ông V, bà T2. Suốt quá trình Tòa án nhân dân thành phố LX giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông V và bà T2 không cung cấp được chứng cứ có trả lãi 4.800.000 đồng cho ông H, bà T, nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông V, bà T2.

[6]. Về lãi suất, ông V, bà T2 không đồng ý mức lãi suất 20%/năm, yêu cầu tính lãi 10%/năm theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. HĐXX xét thấy, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định đối với tranh chấp tiền lãi mà các bên không xác định rõ lãi suất, trong khi giao dịch vay tiền giữa ông H, bà T và ông V, bà T2 được các bên thống nhất xác định lãi suất từ 3,5% - 4,5%/tháng. Đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất và đã được xác định rõ mức lãi suất, nên không thể áp dụng khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi suất theo yêu cầu kháng cáo của ông V, bà T2. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận vượt cao hơn lãi suất được quy định tại khoản 1,

Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên cấp sơ thẩm điều chỉnh mức lãi suất 20%/năm là đúng quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông V, bà T2 không có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc ông V, bà T2 trả cho ông H, bà T số tiền 213.079.568 đồng, nên ông V, bà T2 phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm là $5\%/213.079.568 = 10.653.978$ đồng. Ông V là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí đã được cấp sơ thẩm miễn án phí cho ông V, nên bà T2 phải chịu 5.326.989 đồng theo Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[8]. Do đó, toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông V, bà T2 không được HĐXX chấp nhận.

[9]. Về cách tuyên án: số tiền ông V, bà T2 phải trả cho ông H, bà T, không xác định được nghĩa vụ riêng lẻ của mỗi người. Tại phiên tòa hôm nay, ông V, bà T2 trình bày vay tiền để sử dụng chung trong gia đình, lẽ ra cấp sơ thẩm phải buộc ông V và bà T2 liên đới trách nhiệm trả cho ông H, bà T số tiền 213.079.568 đồng theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự; tuy nhiên, do các đương sự không cáo việc này nên HĐXX không sửa án mà chỉ giới thiệu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[10]. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, nên HĐXX không xem xét.

[11]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, lẽ ra ông V, bà T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông V là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông V.

Bà T2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[12]. Đối với đề nghị của của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[13]. Bồi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Bạch T3.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T;

+ Buộc ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T tiền nợ gốc 157.061.107, đồng và tiền lãi chậm trả 56.018.461 đồng (tính đến ngày 25/3/2021). Tổng cộng, vốn và lãi là 213.079.568 đồng (Hai trăm mười ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/3/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/01/2019 giữa ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3 lập tại Văn phòng Công chứng Cao Thị HC, số công chứng 111, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu;

+ Buộc ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01358, ngày 27/9/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Bạch T3;

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

. Ông Trần Quốc V được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

. Bà Nguyễn Bạch T3 phải chịu 5.326.989 đồng (Năm triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

. Ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 939.597 đồng (Chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: TU/2019/0005638, ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, ông Trương Quốc H, bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại 4.060.403 đồng (Bốn triệu, không trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Trần Quốc V được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

+ Bà Nguyễn Bạch T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: TU/2019/0002180, ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang. Bà T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố LX;
- VKSND thành phố LX;
- Chi cục THADS LX;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA,
Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn